

Patient's identification: \_\_\_\_\_

Date of assessment: \_\_\_\_\_

Duration: from \_\_\_\_\_ to \_\_\_\_\_

Test administrator: \_\_\_\_\_

Michel Paradis  
McGill University

# BILINGUAL APHASIA TEST

## PART C

Vietnamese - English bilingualism

Song ngữ Việt – Anh

Part C of the Bilingual Aphasia Test has been adapted to Dutch-English bilingualism by Yung Truong.  
Bản khảo sát bệnh câm khẩu cho người song ngữ Việt - Anh , phần C do Dung Huỳnh Truong dịch và chuyển biên.

The development of the Bilingual Aphasia Test materials was supported by Grant MEQ 01-07-k (1976-1983) from the Quebec Ministry of Intergovernmental Affairs, Grant EQ 1660 (1980-1985) from the Quebec Ministry of Education FCAC Fund, and GRANTS 410-83-1028 (1984-1985) and 410-88-0821 (1989-1991) from the Social Sciences and Humanities Research Council of Canada.

# KHẢO SÁT BỆNH CẤM KHẨU CHO NGƯỜI SONG NGỮ

## BILINGUAL APHASIA TEST

### PART C - PHẦN C

Song ngữ Việt-Anh

Vietnamese – English Bilingualism

\*\*\* Xin giám khảo chỉ cho bệnh nhân một chữ bằng tiếng Việt và đưa cho bệnh nhân xem danh sách 10 chữ bằng tiếng Anh để bệnh nhân tìm ra chữ nào tương đương với chữ đó. Nếu sau năm giây bệnh nhân không trả lời, xin đánh vòng dấu «0» và bắt qua chữ kế tiếp. Nếu bệnh nhân không đọc được, xin giám khảo đọc cho bệnh nhân nghe 10 chữ đó. Nếu bệnh nhân không chọn được chữ nào sau khi giám khảo đọc lại ba lần, xin giám khảo đánh vòng dấu «0» và bắt qua câu hỏi kế tiếp.

\*\*\* Bắt đầu đọc.

Tôi sẽ chỉ cho bạn một chữ bằng tiếng Anh. Xin bạn cho tôi biết chữ nào trong danh sách sau đây là tương đương bằng tiếng Việt của chữ đó. Bạn sẵn sàng chưa ?

428.	Cây	1.	Apple	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	(428)
429.	Tuyết	2.	Snow	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	(429)
430.	Cửa	3.	Lightning	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	(430)
431.	Búa	4.	Hammer	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	(431)
432.	Cá	5.	Door	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	(432)
		6.	Fish	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
		7.	Window	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
		8.	Pliers	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
		9.	Tree	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
		10.	Sheep	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	

\*\*\* Start reading here.

Now I am going to show you a word in English and you are going to tell me which of the words in the list means the same thing in Vietnamese. Are you ready?

433.	Milk	1.	Ghế	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	(433)
434.	Horse	2.	Sữa	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	(434)
435.	Shirt	3.	Áo	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	(435)
436.	Flower	4.	Bàn	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	(436)
437.	Armchair	5.	Hoa	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	(437)
		6.	Nước	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
		7.	Cà vạt	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
		8.	Ngựa	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
		9.	Lá	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
		10.	Lừa	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	

## PHIÊN DỊCH CHỮ - WORD TRANSLATION

\*\*\* Xin giám khảo đọc những chữ sau đây, từng chữ một. Nếu bệnh nhân trả lời đúng chữ đóng ngoặc, xin đánh vòng dấu «+», nếu bệnh nhân nói một chữ khác nhưng có thể chấp nhận được, xin đánh vòng số «1», nếu sau năm giây bệnh nhân không trả lời, xin đánh vòng dấu «0» và bắt qua câu hỏi kế tiếp.

\*\*\* Bắt đầu đọc.

Tôi sẽ đọc một chữ bằng tiếng Anh, xin bạn dịch ra tiếng Việt. Bạn sẵn sàng chưa ?

438.	Dao	(knife)	+	1	-	0	(438)
439.	Cửa	(door)	+	1	-	0	(439)
440.	Tai	(ear)	+	1	-	0	(440)
441.	Cát	(sand)	+	1	-	0	(441)
442.	Va li	(suitcase)	+	1	-	0	(442)
443.	Tình yêu	(love)	+	1	-	0	(443)
444.	Sự xấu xí	(ugliness)	+	1	-	0	(444)
445.	Sự can đảm	(courage)	+	1	-	0	(445)
446.	Buồn rầu	(sadness)	+	1	-	0	(446)
447.	Lý trí	(reason)	+	1	-	0	(447)

\*\*\* Read aloud the following words, one at a time. If the patient's answer is the word in parentheses, circle « + », if the word is different but acceptable, circle « 1 », if the translation is incorrect, circle « - ». If the patient has given no answer after 5 seconds, circle « 0 » and read the next word.

\*\*\* Begin reading aloud here.

I am going to say a word in English and you will give me its Vietnamese translation. Are you ready?

448.	Razor	(dao cạo)	+	1	-	0	(448)
449.	Wall	(tường)	+	1	-	0	(449)
450.	Neck	(cổ)	+	1	-	0	(450)
451.	Butter	(bơ)	+	1	-	0	(451)
452.	Hat	(nón)	+	1	-	0	(452)
453.	Hatred	(hận thù)	+	1	-	0	(453)
454.	Joy	(vui)	+	1	-	0	(454)
455.	Fright	(sợ hãi)	+	1	-	0	(455)
456.	Madness	(giận dữ)	+	1	-	0	(456)
457.	Beauty	(sắc đẹp)	+	1	-	0	(457)

## PHIÊN DỊCH CÂU - TRANSLATION OF SENTENCES

\*\*\* Xin giám khảo đọc lên những câu sau đây, có thể lặp lại đến ba lần nếu cần và yêu cầu bệnh nhân dịch. Xin nhớ ghi rõ số lần đọc. Những con số này tương đương với số những lô chữ được dịch đúng. Xin giám khảo đánh vòng con số tương đương với số lô chữ được dịch đúng, nếu thiếu một số thì lô đó được xem như sai. Nếu bệnh nhân làm một lỗi trong mỗi lô, hoặc nếu bệnh nhân im lặng sau khi nghe giám khảo lặp lại câu ba lần liên tiếp, xin đánh vòng dấu «0». Nếu câu trả lời không giống câu dịch nhưng giám khảo cho là đúng, xin đánh vòng dấu «+».

\*\*\* Bắt đầu đọc.

Tôi sẽ đọc cho bạn nghe một số câu bằng tiếng Việt và xin bạn dịch ra tiếng Anh. Bạn sẵn sàng chưa ?

458.	Thông không làm việc ngày thứ bảy. (Thông does not work on Saturday.)	Câu đọc Phần chữ không sai	1 +	2 0	3 1	lần 2	3 3	(458) (459)
460.	Anh ta đi Saigon. (He goes to Saigon.)	Câu đọc Phần chữ không sai	1 +	2 0	3 1	lần 2	3 3	(460) (461)
462.	Cô ta đợi ông bác sĩ. (She waits for the doctor.)	Câu đọc Phần chữ không sai	1 +	2 0	3 1	lần 2	3 3	(462) (463)
464.	Em bé trai lớn nhất mặc cái áo lụa. (The oldest boy wore a silk shirt.)	Câu đọc Phần chữ không sai	1 +	2 0	3 1	lần 2	3 3	(464) (465)
466.	Anh ta lấy ba chai rượu cách đây một tiếng. (He took the last three bottles of wine one hour ago.)	Câu đọc Phần chữ không sai	1 +	2 0	3 1	lần 2	3 3	(466) (467)
468.	Hùng vẽ bằng tay trái của anh ta. (Hùng draws with his left hand.)	Câu đọc Phần chữ không sai	1 +	2 0	3 1	lần 2	3 3	(468) (469)

\*\*\* Read the sentences aloud to the patient up to three times in accordance with the patient's request for repetition and circle the digit corresponding to the number of times that the text was read. The score corresponds to the number of word groups (as indicated in the suggested translation in parentheses) correctly translated. Circle the number corresponding to word groups containing no error. An omission also counts as an error. If all groups contain one or more errors, or if the patient says nothing, after three consecutive repetitions, circle «0». If the patient's translation is not the one suggested but nevertheless acceptable, circle «+».

\*\*\* Begin reading aloud here.

Now I am going to give you some sentences in English. You will translate them into Vietnamese. Are you ready?

470.	Hoa does not cook on Sunday. (Hoa không làm bếp ngày chủ nhật.)	Text read Groups without error	1 +	2 0	3 1	times 2	3 3	(470) (471)
472.	She goes to Hanoi. (Cô ta đi Hà Nội.)	Text read Groups without error	1 +	2 0	3 1	times 2	3 3	(472) (473)
474.	He looks for the nurse. (Anh ta tìm cô y tá.)	Text read Groups without error	1 +	2 0	3 1	times 2	3 3	(474) (475)
476.	The youngest girl bought a wool hat. (Em gái nhỏ nhất mua cái nón len.)	Text read Groups without error	1 +	2 0	3 1	times 2	3 3	(476) (477)
478.	She drank the glass of milk five minutes ago. (Cô ta uống ly sữa cách đây năm phút.)	Text read Groups without error	1 +	2 0	3 1	times 2	3 3	(478) (479)
480.	Lan writes with her right hand. (Lan viết bằng tay phải của cô ta.)	Text read Groups without error	1 +	2 0	3 1	times 2	3 3	(480) (481)

## NHẬN XÉT NHỮNG SAI LẦM VỀ VĂN PHẠM – GRAMMATICALLY JUDGMENTS

\*\*\* Trong phần này, bệnh nhân phải cho biết những câu giám khảo đọc có đúng luật văn phạm hay không. Nếu bệnh nhân cho là sai thì xin giám khảo yêu cầu họ sửa lại bằng cách nào cho đúng. Trong phần nhận xét của bệnh nhân, xin giám khảo đánh vòng dấu « + » nếu bệnh nhân nói câu đó đúng, không cần biết nhận xét đó đúng hay không, «-» nếu bệnh nhân cho là sai, và «0» nếu bệnh nhân không trả lời. Sau đó, nếu bệnh nhân sửa đúng, xin giám khảo đánh vòng dấu « + », và nếu sai thì đánh vòng dấu « - ». Trong trường hợp bệnh nhân nói không biết cách sửa, hoặc nếu có một câu sai mà bệnh nhân cho là câu đó đúng, hoặc không nói gì hết, xin đóng ngoặc dấu « 0 ». Nếu có câu đúng (486 – 492) mà bệnh nhân cho là sai và tìm cách sửa cho câu đó trở thành sai thật sự, xin giám khảo đánh vòng dấu «-» trong hai phần. Nếu bệnh nhân sửa một câu nhưng không làm cho sai, giám khảo có thể đánh vòng dấu « + » trong phần sửa đổi.

\*\*\* Tôi sẽ đọc cho bạn nghe một số câu bằng tiếng Việt. Xin bạn cho biết những câu đó có đúng hay không. Nếu bạn thấy có câu sai, xin bạn sửa lại. Ví dụ nếu tôi nói: « Anh ta nhớ của mẹ anh ta » thì bạn nói là sai và bạn sửa lại thành « Anh ta nhớ đến mẹ anh ta ». Bạn sẵn sàng chưa ?

482.	An ra đi trong 2010.	Nhận xét	+	-	0	(482)
		Sửa đổi	+	-	0	(483)
484.	Hôm nay Lan bị vui.	Nhận xét	+	-	0	(484)
		Sửa đổi	+	-	0	(485)
486.	Tôi gặp người này.	Nhận xét	+	-	0	(486)
		Sửa đổi	+	-	0	(487)
488.	Cho tôi hai chén.	Nhận xét	+	-	0	(488)
		Sửa đổi	+	-	0	(489)
490.	Con cá lội trong nước.	Nhận xét	+	-	0	(490)
		Sửa đổi	+	-	0	(491)
492.	Anh tôi về tới chiều hôm qua	Nhận xét	+	-	0	(492)
		Sửa đổi	+	-	0	(493)
494.	Chiếc xe máy khác từ chiếc xe đạp.	Nhận xét	+	-	0	(494)
		Sửa đổi	+	-	0	(495)
496.	Tôi thích cái bánh với dừa.	Nhận xét	+	-	0	(496)
		Sửa đổi	+	-	0	(497)

\*\*\* In this section, the patient must indicate whether a sentence which is read to him/her is a correct English sentence. If the patient judges the sentence to be ungrammatical, he/she is asked to make it right. For the patient's judgment, circle « + » if the patient considers the sentence to be correct, irrespective of whether the patient is right or wrong, « - » if the patient considers the sentence to be incorrect, and « 0 » if the patient gives no answer. Then score the corrected sentence as « + » if acceptable, « - » if unacceptable, and « 0 » if the patient declares he/she is unable to make it right, or has wrongly declared an incorrect sentence as « correct » in which case there is no point in trying to make it right, or if the patient says nothing. When a correct sentence (500, 504) is declared incorrect, and subsequently made wrong, score « - » to both judgment and correction. If the patient makes some changes to the sentence which does not make it incorrect, then score « + » for correction.

\*\*\* Begin reading aloud here.

I am going to give you some sentences in English. Tell me if they are correct English sentences. If they are not, I will ask you to make them right. For example, if I say: "He is thinking to his mother" you say "incorrect" and you correct it: "He is thinking of his mother". Are you ready?

498.	Tâm returned year 2011.	Judgement	+	-	0	(498)
		Corrected sentence	+	-	0	(499)
500.	Today Hồng is sad.	Judgement	+	-	0	(500)
		Corrected sentence	+	-	0	(501)
502.	I know person this.	Judgement	+	-	0	(502)
		Corrected sentence	+	-	0	(503)
504.	Give him two glasses.	Judgement	+	-	0	(504)
		Corrected sentence	+	-	0	(505)
506.	The crab lives under the sea.	Judgement	+	-	0	(506)
		Corrected sentence	+	-	0	(507)
508.	My sister arrived morning yesterday.	Judgement	+	-	0	(508)
		Corrected sentence	+	-	0	(509)
510.	A car is different with a truck.	Judgement	+	-	0	(510)
		Corrected sentence	+	-	0	(511)
512.	She likes the dress has flowers.	Judgement	+	-	0	(512)
		Corrected sentence	+	-	0	(513)

Vài điều đáng lưu ý liên quan đến khả năng thi hành lệnh của bệnh nhân ngoài những gì được biết qua những câu hỏi nằm trong tiêu chuẩn của cuộc khảo sát.

---

cây	1.	apple
tuyết	2.	snow
cửa	3.	lightning
búa	4.	hammer
cá	5.	door
	6.	fish
	7.	window
	8.	pliers
	9.	tree
	10.	sheep

milk	1.	ghé
horse	2.	sữa
shirt	3.	áo
flower	4.	bàn
armchair	5.	hoa
	6.	nước
	7.	cà vạt
	8.	ngựa
	9.	lá
	10.	lừa